

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-PT

Ngày: 09/01/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các thẩm phán: Ông Lê Chí Công

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, về: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2025/QĐPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T1.

Địa chỉ: Khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Ông Nguyễn Vũ L – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ khách hàng cá nhân.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông L, gồm có một hoặc tất cả những người sau đây: Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Minh K, ông Nguyễn Thành N, ông Huỳnh Trường V, bà Trần Huyền T, ông Vũ Thành Đ1. (Ông V, và ông K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Danh V1, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, đặc khu P, tỉnh An Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông V2 là:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố E-D, đặc khu P, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Ông Danh V1 - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nguyên đơn Ngân hàng TMCP T1 – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngân hàng TMCP T1 và ông Danh V1 có ký kết 02 đề nghị vay vốn, cụ thể như sau:

Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 34/2022/HĐBD/PQC ngày 12/4/2022 (*sau đây được viết tắt là: Hợp đồng số 34*), với số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích mua xe ô tô. Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 9%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân 3 tháng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.5%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn, lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Phí trả nợ trước hạn, từ năm thứ nhất đến năm thứ hai là 3.5% số tiền trả nợ trước hạn. Từ năm thứ hai đến năm thứ ba là 3% số tiền trước hạn. Trả nợ từ năm thứ ba đến năm thứ tư là 1% số tiền trả nợ trước hạn. Sau đó trở đi là miễn phí. Tính đến ngày 11/8/2025, ông Danh V1 còn nợ lại Ngân hàng số tiền 696.520.652 đồng, trong đó nợ gốc 645.833.322 đồng, lãi quá hạn và chậm trả là 2.829.879 đồng, nợ lãi đến ngày 11/8/2025 là 34.757.063 đồng, phí trả nợ trước hạn 19.375.000 đồng.

Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số: 01/2024/HĐBD/PQC/01 ngày 14/11/2024 (*sau đây được viết tắt là: Hợp đồng số 01*), với số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích mua sắm trang thiết bị, nội thất, đồ gia dụng và các vật dụng khác trong gia đình. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm cố định 03 tháng đầu, lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân 3 tháng + biên độ 0,5%, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn, lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Miễn phí trả nợ trước hạn. Tính đến ngày 11/8/2025, ông Danh V1 còn nợ lại Ngân hàng số tiền 58.176.397 đồng, trong đó nợ gốc 56.109.547 đồng, lãi quá hạn và chậm trả là 271.725 đồng, nợ lãi đến ngày 11/8/2025 là 2.211.459 đồng.

Nay yêu cầu ông Danh V1 trả cho ngân hàng tổng cộng 743.893.452 đồng, cụ thể: Theo Hợp đồng số 34, tính đến ngày 27/8/2025, ông Danh V1 còn nợ lại ngân hàng số tiền 685.415.455 đồng, trong đó nợ gốc 645.833.322 đồng, lãi trong hạn 30.277.040 đồng, lãi quá hạn 2.610.552 đồng, lãi chậm trả là 861.207 đồng, phí trả nợ trước hạn 5.833.333 đồng; Theo Hợp đồng số 01, tính đến ngày 27/8/2025, ông Danh V1 còn nợ lại ngân hàng số tiền 58.477.997 đồng, trong đó nợ gốc 56.109.505 đồng, lãi trong hạn 2.029.680 đồng, lãi quá hạn 281.831 đồng, lãi chậm trả là 56.981 đồng. Kể từ ngày 28/8/2025, ông V1 phải chịu lãi

phát sinh theo Hợp đồng số 34 và Hợp đồng số 01 đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Trường hợp ông V1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng số 34, đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE, màu đỏ, số khung: RLUSW81KDNN033817, số máy G4KMNA127872, biểm kiểm soát 68A-231.02.

- Theo bị đơn ông Danh V1 trình bày: Ông thừa nhận có ký Hợp đồng số 34 và Hợp đồng số 01 như ngân hàng trình bày nêu trên là đúng. Ông đồng ý trả toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí chậm trả như yêu cầu của ngân hàng. Tuy nhiên, hiện tại kinh tế khó khăn, ngân hàng không hỗ trợ giao xe thế chấp cho ông V1 hoạt động kinh doanh nên không có nguồn thu nhập để sớm trả nợ. Ông V1 yêu cầu gia hạn thời gian 03 tháng, kể từ ngày 27/8/2025 sẽ trả nợ gốc, lãi, phí theo tháng cho ngân hàng, không đồng ý trả một lần theo yêu cầu của ngân hàng.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh An Giang đã xét xử, quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1. Buộc ông Danh V1 trả cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền 743.893.452 đồng (bảy trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày 28/8/2025, ông Danh V1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 34/2022/HĐBD/PQC ngày 12/4/2022 và theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số: 01/2024/HĐBD/PQC/01 ngày 24/11/2024 đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông V1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 34/2022/HĐBD/PQC ngày 12/4/2022, đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE, màu đỏ, số khung: RLUSW81KDNN033817, số máy G4KMNA127872, biểm kiểm soát 68A-231.02.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 09/9/2025 ông Danh V1 có đơn kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận cho ông được trả tiền hàng tháng theo thỏa thuận của 02 hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và ý kiến về hướng giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông V1. Giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh An Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật TTDS tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] *Về nội dung vụ án như sau*: Ông Danh V1 có vay của Ngân hàng TMCP T1 – Chi nhánh K1 theo các Hợp đồng như sau:

Hợp đồng số 34 ngày 12/4/2022 số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích mua xe ô tô, thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân là 9%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian còn lại trong thời hạn vay vốn bằng lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân 3 tháng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.5%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn, lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Phí trả nợ trước hạn, từ năm thứ nhất đến năm thứ hai là 3.5% số tiền trả nợ trước hạn. Từ năm thứ hai đến năm thứ ba là 3% số tiền trả nợ trước hạn. Trả nợ từ năm thứ ba đến năm thứ tư là 1% số tiền trả nợ trước hạn. Sau đó trở đi là miễn phí (BL 53 - 56);

Hợp đồng số 01/2024/HĐBD/PQC/01 ngày 24/11/2024 ông V1 có Đề nghị vay vốn kiêm yêu cầu vay vốn 60.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm trang thiết bị, nội thất, đồ gia dụng, và các vật dụng khác trong gia đình, thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,2%/năm cố định 03 tháng đầu, lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở khách hàng cá nhân 3 tháng + biên độ 0,5%, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn, lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Miễn phí trả nợ trước hạn (BL 50 - 52).

[3] *Xét kháng cáo của ông Danh V1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng*: Căn cứ theo Hợp đồng số 34 và Hợp đồng số 01 thì ông V1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng như thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng, tuy nhiên ông V1 không trả nợ như cam kết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V1 cũng thừa nhận số tiền nợ. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Danh V1 trả cho Ngân hàng TMCP T1 gồm tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, phí trả nợ trước hạn tính đến ngày 27/8/2025 là 685.415.455 đồng, trong đó nợ gốc 645.833.322 đồng, lãi trong hạn 30.277.040 đồng, lãi quá hạn 2.610.552 đồng, lãi chậm trả là 861.207 đồng, phí trả nợ trước hạn 5.833.333 đồng là có căn cứ.

Xét việc ông V1 yêu cầu được trả hàng tháng đối với số nợ. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy yêu cầu xin được trả dần số nợ hàng tháng của ông V1 không được Ngân hàng chấp nhận. Hơn nữa, Bộ luật Dân sự cũng không quy định thời gian chậm trả nếu các bên không có thỏa thuận.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên nhận thấy Bản án dân sự sơ thẩm quyết định là có căn cứ. Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc: không chấp nhận kháng cáo của ông V1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh An Giang

[5] Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Danh V1 phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, được tính như sau: $[400.000.000 \text{ đồng} + (343.893.452 \text{ đồng} \times 4\%)] = 33.755.738 \text{ đồng}$ (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng), nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 tạm ứng án phí với số tiền là 17.203.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012768 ngày 04/6/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Danh V1 phải nộp là 300.000đ, do kháng cáo không được chấp nhận. Được khấu trừ vào tạm ứng án phí xem như đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 107 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Danh V1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T1. Buộc ông Danh V1 trả cho Ngân hàng TMCP T1 tổng số tiền 743.893.452 đồng (bảy trăm bốn mươi ba triệu tám trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày 28/8/2025, ông Danh V1 phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số:

34/2022/HĐBD/PQC ngày 12/4/2022 và theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số: 01/2024/HĐBD/PQC/01 ngày 24/11/2024 đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông V1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để đảm bảo thu hồi nợ cho ngân hàng theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay và thế chấp xe ô tô số: 34/2022/HĐBD/PQC ngày 12/4/2022, đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI SANTAFE, màu đỏ, số khung: RLUSW81KDNN033817, số máy G4KMNA127872, biển kiểm soát 68A-231.02.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Danh V1 phải chịu án phí với số tiền là 33.755.738 đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T1 số tiền tạm ứng án phí với số tiền là 17.203.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm lẻ ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012768 ngày 04/6/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Số tiền là 300.000đ, buộc ông Danh V1 phải nộp. Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ theo Biên lai thu số 0002583 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã thực hiện xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 2;
- THA dân sự khu vực 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân

